

Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Phụ lục XII

MÃ SỐ CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Kèm theo Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mã số cơ sở đăng kiểm bao gồm 3 thành phần chính, nối giữa thành phần thứ nhất và thứ hai là nét vạch ngang (-) theo cấu trúc:

- **XX-YYZ** (đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được cấp mã số trước ngày Thông tư này có hiệu lực)

- **XX-YYY** (đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được cấp mã số kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực)

- **XX-YYYYXM** (đối với cơ sở kiểm định khí thải)

Trong đó:

1. Phần thứ nhất - XX: gồm 2 ký tự bằng số chỉ mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ sở đăng kiểm đặt địa chỉ chi tiết tại Bảng dưới đây:

STT	Cơ sở đăng kiểm đặt tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Mã tỉnh, thành phố
1	Tuyên Quang	22; 23
2	Lào Cai	24; 21
3	Lai Châu	25
4	Điện Biên	27
5	Lạng Sơn	12
6	Cao Bằng	11
7	Sơn La	26
8	Thái Nguyên	20; 97
9	Phú Thọ	19; 28; 88
10	Quảng Ninh	14
11	Bắc Ninh	99; 98
12	Hưng Yên	89; 17
13	TP. Hà Nội	29
14	TP. Hải Phòng	15; 34
15	Ninh Bình	35; 90; 18
16	Thanh Hóa	36
17	Nghệ An	37
18	Hà Tĩnh	38

19	Quảng Trị	73; 74
20	TP. Huế	75
21	TP. Đà Nẵng	43; 92
22	Quảng Ngãi	76; 82
23	Gia Lai	81; 77
24	Khánh Hoà	79; 85
25	Lâm Đồng	48; 49; 86
26	Đắk Lắk	47; 78
27	TP. Hồ Chí Minh	50; 61; 72
28	Đồng Nai	60; 93
29	Tây Ninh	70; 62
30	TP. Cần Thơ	65; 83; 95
31	Vĩnh Long	71; 64; 84
32	Đồng Tháp	66; 63
33	Cà Mau	69; 94
34	An Giang	67; 68
Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Mã số cơ sở đăng kiểm được lấy theo mã của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mới tương ứng.		

2. Phần thứ hai – YY hoặc YYY hoặc YYYY: chỉ thứ tự lần lượt của cơ sở đăng kiểm được cấp giấy chứng nhận trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới gồm 3 ký tự bằng số.
- Đối với cơ sở kiểm định khí thải gồm 4 ký tự bằng số.

3. Phần thứ ba - Z: gồm 01 ký tự bằng chữ in hoa thể hiện loại hình cơ sở đăng kiểm:

- Chữ S: Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thuộc Sở Giao thông vận tải;
- Chữ V: Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Chữ D: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thuộc loại hình Doanh nghiệp.

4. Ví dụ:

a) Đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được cấp mã số trước ngày Thông tư này có hiệu lực:

50-01S	50: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới tại Thành phố Hồ Chí Minh; 01: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thứ nhất; S: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thuộc Sở Giao thông vận tải.
--------	---

b) Đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được cấp mã số kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực:

50-020	50: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới tại Thành phố Hồ Chí Minh; 020: cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thứ 20;
--------	--

c) Đối với cơ sở kiểm định khí thải:

50-0001XM	50: cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tại Thành phố Hồ Chí Minh; 0001: cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy thứ nhất; XM: cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.
-----------	---

